

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/DS-PT

Ngày 04 - 09 - 2020

V/v Tranh chấp bồi thường
thiệt hại do xây dựng công
trình gây ra.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Dũ.

2/. Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **71/2020/TLPT-DS**, ngày 20 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do xây dựng công trình gây ra*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 08 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vuur Kim H, sinh năm 1966; Địa chỉ: đường L, khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Lương Văn N, sinh năm 1976; Địa chỉ: khóm B, phường S, TP. C, tỉnh Cà Mau; Địa chỉ liên lạc: đường L, khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/07/2020). (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Đào Trúc D, sinh năm 1976 (có mặt)

2/ Bà Văn Ngọc L, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Vu Thanh V, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường L, khóm H, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Ông Vu Thanh N, sinh năm 1960; Địa chỉ: đường T, khóm M, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

3/ Ông Vu Thanh B, sinh năm 1962; Địa chỉ: khóm S, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1/ Ông Nguyễn Hoàng N – Giám định viên (vắng mặt)

2/ Ông Trần Thanh T – Giám định viên (vắng mặt)

Nơi công tác: Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Vu Kim H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án và quyết định bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn Vu Kim H trình bày: Nguyên ông Vu Văn T, sinh năm 1957 (chết năm 2010) có sở hữu, sử dụng Căn nhà ở cấp 4 (Kết cấu: Tường gạch, khung bê tông cốt thép, mái tôn kẽm, nền lát gạch men, xây dựng vào năm 2000 - sau đây viết tắt Căn nhà số 38) gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 83.01m² tọa lạc tại số 38 đường L, Khóm B, Phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (nay thị xã) V cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở ngày 09/12/2009 (sau đây viết tắt Nhà và đất số 38). Ông T chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T đều không còn, nên căn nhà và đất nêu trên bà Vu Kim H (là em ruột của ông T) quản lý, sử dụng.

Liên kề với Nhà và đất số 38 về Hướng Bắc là công trình xây dựng nhà do ông Đào Trúc D và bà Văn Ngọc L làm chủ. Trong quá trình xây dựng nhà của ông D và bà L đã làm cho Căn nhà số 38 hư hỏng. Các bên không thỏa thuận được chi phí sửa chữa nên phát sinh tranh chấp. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân phường 1 hòa giải nhưng không thành.

Nay bà Vu Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Đào Trúc D và bà Văn Ngọc L phải có nghĩa vụ bồi thường chi phí sửa chữa Căn nhà số 38 cho bà H với số tiền 150.000.000đồng. Đồng thời, yêu cầu Giám định viên xem xét lại 14 hạng mục hư hỏng và cho rằng một số hạng mục còn thiếu chiết tính như: Sắt, cát và đá 4x6 để sửa chữa lại.

2. Bị đơn ông Đào Trúc D và bà Văn Ngọc L, do bị đơn ông D trình bày: Nguyên ông, bà có quyền sử dụng đất diện tích 89,3m², thửa đất số 83, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại góc đường Bùi Thị Xuân và đường Lê Lai, khóm 4, phường 1, thị

xã V, tỉnh Sóc Trăng. Thửa đất này của ông, bà có được là do vợ chồng ông, bà trúng đấu giá của Nhà nước và ông, bà đã được UBND thị xã V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 222392 ngày 19/11/2015. Giáp ranh với thửa đất của ông, bà là Nhà và đất số 38 của bà Vưu Kim H và ông Châu Dũ đang quản lý, sử dụng.

Vào năm 2016, ông có xin giấy phép xây dựng và đã được UBND thị xã V cấp Giấy phép số 08/GPXD-UBND ngày 11/3/2016. Khi tiến hành xây dựng nhà thì ông, bà có chừa khoảng cách và cách vách tường của nhà bà H, ông Dũ là 0,3m. Lúc đó, vách tường nhà của bà H đã có vết nứt và Phòng quản lý Đô thị thị xã V có đến kiểm tra, hai bên có hòa giải với nhau và ông, bà cũng đồng ý khắc phục, sửa chữa lại các vết nứt nhưng sau đó phía bà H không đồng ý.

Tại buổi hòa giải ngày 18/4/2018, giữa vợ chồng ông, bà với ông Dũ đã cùng thống nhất thỏa thuận chọn Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng sẽ tiến hành giám định thiệt hại thực tế có giá trị là bao nhiêu thì vợ chồng ông, bà sẽ đồng ý bồi thường bấy nhiêu, hai bên không được thay đổi ý kiến; hai bên thống nhất không yêu cầu giám định nguyên nhân dẫn đến thiệt hại đối với Căn nhà số 38 của bà H. Tuy nhiên, sau khi có kết luận giám định thiệt hại của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thì phía ông Dũ cho rằng giá trị thiệt hại không sát với thực tế và có yêu cầu giám định lại.

Theo nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông, bà bồi thường số tiền 150.000.000đồng thì vợ chồng ông, bà không đồng ý. Vợ chồng ông, bà chỉ đồng ý bồi thường số tiền 60.630.000 đồng theo kết quả giám định của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng đã đưa ra. Đồng thời, vợ chồng ông, bà cũng đồng ý chịu chi phí giám định thiệt hại với số tiền 12.000.000đồng mà trước đây vợ chồng ông đã nộp tạm ứng cho Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Vưu Thanh B, ông Vưu Thanh N và ông Vưu Thanh V trình bày: Các ông là anh ruột của bà Vưu Kim H, giữa các anh em của ông với bà H không có mâu thuẫn gì với nhau. Đối với Nhà và đất số 38 bà Vưu Kim H đang ở là của ông Vưu Văn Trinh (ông T là em ruột của ông V, là anh ruột của ông N, ông B và bà H). Ông T không có vợ, không có con và đã chết vào năm 2010. Nhà và đất số 38 của ông T là di sản thừa kế của các anh em của ông (vì cha mẹ của các anh em của các ông đã chết trước ông T). Việc bà H khởi kiện bị đơn ông D, bà L thì các ông cũng biết và đồng ý để bà H đứng ra khởi kiện và nhận tiền bồi thường khi Tòa án giải quyết tranh chấp. Đồng thời, các ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử. Riêng đối với ông N còn trình bày thêm: Giữa bị đơn với em của ông cũng là hàng xóm với nhau cho nên việc bồi thường thiệt hại ở mức độ hợp tình, hợp lý giữa hai bên và mức độ thiệt hại như thế nào sẽ do cơ quan chuyên môn giám định là hợp lý.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng N – Giám định viên của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng trình bày: Đối với biên bản xác nhận về hiện trạng nhà số 11/BB ngày 02/5/2018 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh

Sóc Trăng tiến hành xem xét ghi nhận về hiện trạng đối với Căn nhà số 38 của bà Vu Kim H, việc ghi nhận hiện trạng Căn nhà số 38 có sự chứng kiến của ông Châu Dũ (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), sau khi lập biên bản xác nhận về hiện trạng Căn nhà số 38 của bà H thì phía Trung tâm Kiểm định có đọc lại biên bản cho ông Dũ nghe và ông Dũ đã thống nhất với số liệu được ghi nhận và đồng ý ký tên vào biên bản. Đối với dự toán chi phí khắc phục thiệt hại; Bảng tổng hợp vật liệu; dự toán hạng mục công trình; Bảng phân tích vật tư đã được xem xét ghi chiết tính đầy đủ để khắc phục thiệt hại đối với Căn nhà số 38 của bà H tại Biên bản xác nhận về hiện trạng nhà số 11/BB ngày 02/5/2018.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 08 tháng 06 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vu Kim H về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L bồi thường thiệt hại đối với căn nhà của bà H mà bị đơn ông D, bà L xây dựng gây ra với số tiền được chấp nhận là 60.630.000đồng trong tổng số tiền 150.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D, bà L bồi thường.

Buộc bị đơn ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn bà Vu Kim H số tiền 60.630.000đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vu Kim H về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L bồi thường thiệt hại đối với căn nhà của bà H mà bị đơn ông D, bà L xây dựng gây ra đối với số tiền 89.370.000đồng trong tổng số tiền 150.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D, bà L bồi thường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, chi phí giám định, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 22/6/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Vu Kim H là ông Châu Dũ kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 08 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vu Kim H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Vu Kim H là ông Lương Văn Nam không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn Vu Kim H. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện bồi thường thêm cho nguyên đơn 10% số tiền mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tương ứng số tiền 6.063.000đồng (60.630.000đ x 10%), đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người kháng cáo Vu Kim H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vu Thanh V, ông Vu Thanh N, ông Vu Thanh B yêu cầu xét xử vắng mặt; Giám định viên ông Nguyễn Hoàng N và Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử, người khác vắng mặt có người đại diện. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Theo giấy phép số 08/GPXD-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã V, bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L tiến hành xây dựng nhà ở kiên cố (một tầng trệt, ba tầng lầu) trên diện tích đất 89,3m² (loại Đất ở đô thị), thửa đất số 83, tờ bản đồ số 73 (góc đường Bùi Thị Xuân và Lê Lai) liền kề và giáp ranh với căn nhà ở cấp 4 (xây dựng năm 2000, diện tích xây dựng 83,10m²) xây dựng trên diện tích đất 96m² (loại T), thửa đất số 420, tờ bản đồ số 04 (số 38 đường Lê Lai) của ông Vu Văn Trinh (do nguyên đơn Vu Kim H quản lý, sử dụng), cùng tọa lạc khóm 4, phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Trong quá trình xây dựng công trình nhà ở của bị đơn đã ảnh hưởng và gây thiệt hại lún nứt tường Căn nhà số 38 của ông Vu Văn Trinh, tại các Biên bản làm việc số 01 BB-PQLĐT ngày 15/4/2016 thể hiện nhà số 38 có 06 vết nứt và số 04 BB-PQLĐT ngày 01/8/2016 (BL 10,11) thể hiện Căn nhà số 38 có 11 vết nứt, tại các biên bản này bị đơn Duy đều thừa nhận do sơ xuất của nhà thầu thi công nên ảnh hưởng đến công trình lân cận, cho nên chấp nhận khắc phục theo yêu cầu. Đồng thời, tại Biên bản ngày 07/4/2017 (BL 12) bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L cũng đồng ý sửa chữa, khắc phục lại Căn nhà số 38, theo như ghi nhận tại Biên bản làm việc số 01 BB-PQLĐT ngày 15/4/2016, nhưng phía nguyên đơn Vu Kim H không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra số tiền 150.000.000đồng.

[3] Tại Biên bản hòa giải ngày 18/4/2018 (BL 38), giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Châu Dĩ với bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L thống nhất giám định thiệt hại thực tế có giá trị bao nhiêu thì bị đơn đồng ý bồi thường bấy nhiêu đối với thiệt hại của Căn nhà số 38, không yêu cầu giám định nguyên nhân dẫn đến thiệt hại, không ai được thay đổi ý kiến sau khi có kết quả giám định và các đương sự thống nhất chọn Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng sẽ tiến hành giám định thiệt hại đối với Căn nhà số 38 của nguyên đơn.

[4] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định trưng cầu Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt Trung tâm giám định) tiến hành giám định thiệt hại đối với Căn nhà số 38 (BL 100), Trung tâm tiến hành kiểm tra thiệt hại Căn nhà số 38 và tại Biên bản xác nhận hiện trạng nhà, số 11/BB ngày 02/5/2018 (BL 148) ghi nhận “*Hiện trạng nhà có những hư hỏng ở nền, tường, các hư hỏng được xác nhận gồm 14 vị trí và được mô tả chi tiết*”, biên bản này được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Châu Dĩ chứng kiến, đồng ý và ký xác nhận.

[5] Tại Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 của Trung tâm giám định (BL 123), kết luận 14 vị trí Căn nhà số 38 bị hư hỏng, dự toán chi phí khắc phục thiệt hại là 60.630.000đồng. Theo kết quả giám định này, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 08 tháng 06 năm 2020 Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn Vu Kim H số tiền 60.630.000đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn liên đới bồi thường cho nguyên đơn số tiền còn lại là 89.370.000đồng (150.000đ - 60.630.000đ).

[6] Theo kháng cáo, nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm căn cứ theo kết quả giám định để làm cơ sở giải quyết vụ án là chưa đúng theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp, vì kết quả giám định nguyên đơn không đồng ý và có yêu cầu giám định lại nhưng Trung tâm giám định vẫn khẳng định làm đúng, giá vật liệu xây dựng trên thị trường tại thời điểm đưa ra kết quả giám định và tại thời điểm xét xử sơ thẩm đã biến động thay đổi nhưng cấp sơ thẩm căn cứ kết quả giám

định là không khách quan. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000đồng là phù hợp giá xây dựng thực tế tại địa phương. Do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét thấy, nguyên trước khi có Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 thì Trung tâm giám định có Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 21/5/2018 (BL 160), kết luận 14 vị trí Căn nhà số 38 bị hư hỏng, dự toán chi phí khắc phục thiệt hại là 58.172.465đồng, không đồng ý với kết quả giám định này, ngày 31/5/2018 người đại diện của nguyên đơn có Đơn yêu cầu (xem xét lại kết quả định giá – BL 154) với lý do “*giá vật liệu xây dựng chưa sát với giá thực tế tại địa phương, mô tả kết cấu thiệt hại chưa đúng với hư hỏng*”. Trung tâm giám định có Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 (*Điều chỉnh bổ sung về khối lượng, đơn giá; bổ sung chi phí chung, chi phí thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng*) thay thế Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 21/5/2018 và có Công văn số 107/CV-TTKĐ ngày 25/6/2018 về việc kết quả giám định thiệt hại Căn nhà số 38 (BL 122) “*giá vật liệu xây dựng áp dụng đơn giá công bố trên địa bàn thị xã V theo Công văn số 05/SXD-KTVL ngày 08/6/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng, giá vật liệu xây dựng khác không công bố trên địa bàn thị xã V nên áp dụng đơn giá trên địa bàn thành phố Sóc Trăng và tính thêm chi phí vận chuyển đến thị xã V; mô tả kết cấu thiệt hại là đúng với hư hỏng tại Biên bản xác nhận hiện trạng nhà, số 11/BB ngày 02/5/2018*”.

[8] Ngày 09/7/2018, người đại diện của nguyên đơn tiếp tục có Đơn yêu cầu xem xét lại kết quả giám định (BL 118) và tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2019 (BL 300), đưa ra 10 lý do không đồng ý với Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018, nhưng nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mức độ thiệt hại theo yêu cầu đặt ra là có cơ sở, cũng như 10 lý do không đồng ý với kết quả giám định là có căn cứ và Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 là không đúng pháp luật. Ngày 06/8/2018 Tòa án cấp sơ thẩm có Công Văn số 19/CVTA (BL 204A) gửi Trung tâm giám định. Tại Công văn số 123/CV-TTKĐ ngày 14/8/2018 (BL 204B) của Trung tâm giám định, xác định “*Báo cáo giám định mức độ thiệt hại nhà đầy đủ, chính xác theo nội dung biên bản số 11/BB ngày 02/5/2018.... Phương án khắc phục thiệt hại thực hiện đúng theo tiêu chuẩn TCVN 9381: 2012 “Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà”.... Dự toán các khoản chi phí theo Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 tính theo quy định hiện hành, đơn giá áp dụng theo Công văn số 05/SXD-KTVL ngày 08/6/2018 của Sở Xây dựng. Trung tâm giám định không có chức năng xác định giá thị trường khi tiến hành sửa chữa nhà để đối chiếu chênh lệch giá với dự toán các khoản chi phí theo kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà số 14/BC-TT ngày 22/6/2018...*”.

[9] Ngày 19/8/2019, người đại diện của nguyên đơn có Đơn yêu cầu giám định lại mức độ thiệt hại do xây dựng nhà ở gây ra (BL 311), cũng đưa ra với 10 lý do không đồng ý với Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018, nhưng nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác

để chứng minh. Tại Công văn số 95/CV-TTKĐ ngày 05/9/2019 của Trung tâm giám định (BL 319), xác nhận “*Báo cáo số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 về giám định mức độ thiệt hại nhà số 38 là phù hợp quy định pháp luật về giám định tại thời điểm lập báo cáo, Trung tâm giám định không tiến hành giám định lại nội dung đã nêu trong báo cáo*”.

[10] Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn không đặt ra xem xét thêm 05 vết nứt Căn nhà số 38 mà Trung tâm giám định đã không liệt kê để chiết tính, mà người đại diện của nguyên đơn chỉ yêu cầu xem xét lại 14 vết nứt hư hỏng và phần chiết tính của một số hạng mục hư hỏng còn thiếu sắt, đá 4x6, cát để sửa chữa lại. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận “*Sau khi kết thúc Biên bản xác nhận hiện trạng nhà, số 11/BB ngày 02/5/2018 thì Trung tâm giám định có thông qua biên bản, đồng thời ông Dũ cũng có xem qua nội dung biên bản đã lập*”.

[11] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 là chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc không chính xác theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 29 Luật Giám định Tư pháp và thuộc quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt khác, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền thiệt hại số tiền 150.000.000đồng là nguyên đơn tự ước tính theo giá thợ xây dựng và vật tư thực tế tại địa phương để đưa ra, mà không có căn cứ nào khác là chưa đủ cơ sở. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ theo Kết quả giám định mức độ thiệt hại nhà, số 14/BC-TT ngày 22/6/2018 xác định mức độ thiệt hại 60.630.000đồng và buộc bị đơn Đào Trúc D và Văn Ngọc L phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn Vưu Kim H số tiền 60.630.000đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh, nên theo nội dung kháng cáo của nguyên đơn nêu trên là không có cơ sở.

[13] Ngoài ra, kháng cáo cho rằng nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000đồng là căn cứ vào giá thực tế xây dựng tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định để giải quyết vụ án là không khách quan mà còn buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là chưa đúng với quy định của pháp luật về án phí. Xét thấy, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cũng biết theo kết quả giám định mức độ thiệt hại Căn nhà số 38 là 60.630.000đồng, nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000đồng là do nguyên đơn ước tính mà không căn cứ vào bất kỳ quy định pháp luật nào, nguyên đơn cũng có quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện cho phù hợp với thiệt hại thực tế xảy ra, nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại 150.000.000đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền là 60.630.000đồng và không chấp nhận bồi thường thiệt hại số tiền là 89.370.000đồng, nguyên đơn cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp án phí, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 147

Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 và 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Mặt khác, theo kháng cáo còn cho rằng Trung tâm giám định có lập biên bản hiện trạng căn nhà nhưng Thẩm phán giải quyết vụ án và bị đơn không tham gia chứng kiến là không đảm bảo tính khách quan. Xét thấy, sau khi Tòa án có quyết định trưng cầu giám định thì Trung tâm giám định tiến hành các phương pháp, thủ tục giám định và ra kết quả giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn và thẩm quyền của Trung tâm giám định theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Luật Giám định Tư pháp, nên Thẩm phán và bị đơn không tham gia chứng kiến là không bắt buộc và không cần thiết. Đồng thời, khi Trung tâm giám định tiến hành kiểm tra thực trạng nhà bị hư hỏng thì có gia đình nguyên đơn giám sát, chứng kiến và tại Biên bản xác nhận hiện trạng nhà, số 11/BB ngày 02/5/2018 (BL 148) ghi nhận hiện trạng nhà những hư hỏng ở nền và tường, có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Châu Dũ chứng kiến, đồng ý và ký xác nhận.

[15] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[16] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện bồi thường thêm cho nguyên đơn 10% số tiền mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tương ứng số tiền 6.063.000đồng (60.630.000đ x 10%), nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm do khách quan.

[17] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm của bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định tại khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền tự nguyện bồi thường thêm và điều chỉnh án phí sơ thẩm lại cho phù hợp.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo Vụ

Kim H.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, được tuyên như sau:

Căn cứ Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vưu Kim H về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L bồi thường thiệt hại đối với căn nhà của bà H mà bị đơn ông D, bà L xây dựng gây ra với số tiền được chấp nhận là **66.693.000** đồng trong tổng số tiền 150.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D, bà L bồi thường.*

*Buộc bị đơn ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn bà Vưu Kim H số tiền **66.693.000** đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng).*

*2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vưu Kim H về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L bồi thường thiệt hại đối với căn nhà của bà H mà bị đơn ông D, bà L xây dựng gây ra đối với số tiền **83.307.000** đồng trong tổng số tiền 150.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông D, bà L bồi thường.*

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Vưu Kim H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Đào Trúc D, bà Văn Ngọc L còn phải liên đới trả lãi cho bà H theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về chi phí Giám định: Ghi nhận sự tự nguyện đồng ý liên đới chịu toàn bộ chi phí Giám định của bị đơn ông D và bà L số tiền là 12.000.000 đồng. Đồng thời, số tiền này ông D và bà L đã thực hiện xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông D, bà L phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 3.031.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

*- Nguyên đơn bà Vưu Kim H phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền là **4.165.350** đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009681 ngày*

19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, như vậy bà H còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền là **415.350** đồng.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Vưu Kim H phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0003929 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (người nộp tiền Châu Dũ). Như vậy, nguyên đơn Vưu Kim H đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4/ Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã V;
- Chi cục THADS thị xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phạm Hùng Nuôi